ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐÔNG HẢI

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung thu	Quyết toán	Nội dung chi	Quyết toán
1	*2*	*3*	*4*
Tổng số thu	**311,638,323,532**	**Tổng số chi**	**309,236,257,446**
1. Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	32,795,947,477	1. Chi đầu tư phát triển	
2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	1,092,122,155	2. Chi thường xuyên	280,686,653,542
3. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	262,140,794,100	3. Chi chuyển nguồn sang năm sau	27,594,603,904
- Bổ sung cân đối	*201,418,000,000*	4. Chi nộp ngân sách cấp trên	955,000,000
- Bổ sung có mục tiêu	*60,722,794,100*		
4. Thu kết dư năm trước	2,116,038,676		
5. Thu viện trợ			
6. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	13,493,421,124		
- Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi)	**2,402,066,086**		

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐÔNG HẢI

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSP	Thu NSNN	Thu NSP	Thu NSNN	Thu NSP
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5=3/1*	*6=4/2*
A	**TỔNG SỐ THU**	**229,857,000,000**	**222,457,000,000**	**1,891,061,081,295**	**311,638,323,532**	**823**	**140**
I	**Thu nội địa**	**21,845,000,000**	**14,445,000,000**	**1,613,310,827,395**	**33,888,069,632**	**7,385**	**235**
1	**Các khoản thu hưởng 100%**	**13,945,000,000**	**13,945,000,000**	**87,319,061,193**	**32,795,947,477**	**626**	**235**
1.1	Phí, lệ phí	530,000,000	530,000,000	3,369,463,250	573,309,000	636	108
1.2	Lệ phí trước bạ	6,150,000,000	6,150,000,000	56,097,898,487	22,189,951,126	912	361
1.3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	6,950,000,000	6,950,000,000	12,493,488,302	9,619,998,497	180	138
1.4	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi công sản, thu khác	315,000,000	315,000,000	15,358,211,154	412,688,854	4,876	131
2	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**7,900,000,000**	**500,000,000**	**1,525,991,766,202**	**1,092,122,155**	**19,316**	**218**
2.1	Các khoản thu phân chia	7,900,000,000	500,000,000	1,525,991,766,202	1,092,122,155	19,316	218
-	*Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý*			*203,300,183,677*			
-	*Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý*			*1,996,256,881*			
-	*Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài*			*284,461,970,605*			
-	*Thu từ khu vực ngoài quốc doanh*	*5,000,000,000*	*500,000,000*	*535,574,527,727*	*1,092,122,155*	*10,711*	*218*
-	*Thuế thu nhập cá nhân*	*2,900,000,000*		*216,570,762,996*		*7,468*	
-	*Thuế bảo vệ môi trường*			*243,207,872,963*			
-	*Thu tiền thuê đất*			*29,152,546,029*			
-	*Thu tiền sử dụng đất*			*8,898,621,500*			
-	*Thu tiền sử dụng khu vực biển*			*383,250,000*			
-	*Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện*			*2,445,773,824*			
2.2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định						
III	**Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)**						
IV	**Thu chuyển nguồn**			**13,493,421,124**	**13,493,421,124**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**			**2,116,038,676**	**2,116,038,676**		
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**208,012,000,000**	**208,012,000,000**	**262,140,794,100**	**262,140,794,100**	**126**	**126**
	- Thu bổ sung cân đối	201,418,000,000	201,418,000,000	201,418,000,000	201,418,000,000	100	100
	- Thu bổ sung có mục tiêu	6,594,000,000	6,594,000,000	60,722,794,100	60,722,794,100	921	921

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐÔNG HẢI

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG ĐÔNG HẢI NĂM 2025

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=4/1*	*8=5/2*	*9=6/3*
	TỔNG CHI	**222,457,000,000**		**222,457,000,000**	**309,236,257,446**		**309,236,257,446**	**139**		**139**
	Trong đó									
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	102,040,000,000		102,040,000,000	116,970,933,649		116,970,933,649	115		115
2	Chi khoa học và công nghệ	0			0					
3	Chi quốc phòng, an ninh và TTATXH	7,465,000,000		7,465,000,000	7,191,744,403		7,191,744,403	96		96
4	Chi y tế, dân số và gia đình	10,445,000,000		10,445,000,000	11,924,693,606		11,924,693,606	114		114
5	Chi văn hóa thông tin	2,586,000,000		2,586,000,000	6,015,130,000		6,015,130,000	233		233
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	274,000,000		274,000,000	274,000,000		274,000,000	100		100
7	Chi thể dục thể thao	489,000,000		489,000,000	489,000,000		489,000,000	100		100
8	Chi bảo vệ môi trường	1,125,000,000		1,125,000,000	1,089,732,500		1,089,732,500	97		97
9	Chi các hoạt động kinh tế	18,845,000,000		18,845,000,000	25,222,956,000		25,222,956,000	134		134
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	54,764,000,000		54,764,000,000	75,049,382,953		75,049,382,953	137		137
11	Chi bảo đảm xã hội	19,048,000,000		19,048,000,000	26,519,159,833		26,519,159,833	139		139
12	Chi khác	1,014,000,000		1,014,000,000	5,577,921,473		5,577,921,473	550		550
13	Dự phòng	4,362,000,000		4,362,000,000	4,361,999,125		4,361,999,125	100		100
14	Chi chuyển nguồn ngân sách năm sau				27,594,603,904		27,594,603,904			
15	Chi nộp ngân sách cấp trên				955,000,000		955,000,000			

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐÔNG HẢI

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán			
		Tổng số	Trong đó: Nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*7=8+9+10*	*8*	*9*	*10*
TỔNG SỐ								
1. Công trình chuyển tiếp								
2. Công trình khởi công mới								